TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày: 27-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Tuấn Trung;**
Ông **Nguyễn Văn Sơn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1994. Tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976 (còn sống) và bà Thái Thị Út E, sinh năm 1977 (còn sống); vợ tên Vũ Nguyệt H, có 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 08/6/2018 đến ngày 11/6/2018 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:
1. Ông Thạch C, sinh năm 1949 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
2. Bà Thạch Thị Som N, sinh năm 1948 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
3. Anh Thạch L, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh L C L1, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Bé N1, sinh ngày 06/6/2002; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Bé N1: Bà Kim Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Chị Trần Thị Huyền T1, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp 2, xã E, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại cáo trạng số 21/CT-VKSND-TC, ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự với hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 17/7/2017, Nguyễn Văn T2; bị cáo Nguyễn Văn H; Lâm Công L1, sinh năm 1999, ngụ ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh và Nguyễn Bé N1, sinh ngày 06/6/2002, ngụ ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh, đang ở nhà T2 và rủ nhau đi xiệc cá. Khi đi xiệc, T2 trực tiếp vác xiệc, N1 cầm giỏ, bị cáo H và L1 bắt cá. Lúc đầu, T2 xiệc cá ở khu vực bên ngoài vườn cam của ông Thạch C, sinh năm 1949, ngụ ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi xiệc cá đến vườn cam của ông C thì bị cáo H đứng trên bờ bao vườn cam để canh đường, L1 bắt cá dưới mương xung quanh vườn cam, còn T2 và N1 trực tiếp xiệc cá bên trong vườn cam.

Khi xiệc cá ở đoạn giữa mương cam thứ ba, T2 phát hiện 02 (hai) máy xăng được để trên hai liếp cam nên T2 rủ N1 lấy trộm nhưng N1 không đồng ý. Sau đó, T2 và N1 đi ra gặp bị cáo H và L1, T2 rủ lấy trộm nhưng không có ai đồng ý nên N1 đi về trước, còn bị cáo H; T2 và L1 đi sau được khoảng 10 mét thì T2 kêu bị cáo H vào vườn cam lấy trộm máy nhưng bị cáo H không đồng ý, T2 tiếp tục kêu nhiều lần và L1 nói với bị cáo H *"Mày vô lấy đi, tao vác về cho"* nên bị cáo H đồng ý và nói *"Vậy để con lôi ra đầu liếp cho, rồi ai làm gì làm"*, T2 tiếp tục nói *"Mày lôi ra đầu liếp đi, rồi tao kêu L1 vác về"*. Lúc đó, L1 nói với bị cáo H *"Mày vào lôi đi, tao vác về cho"* nên bị cáo H đồng ý nhưng bị cáo H không biết máy để ở đâu nên bị cáo H hỏi T2 và T2 chỉ chỗ cho bị cáo H. Sau đó, bị cáo H đi vào bên trong vườn cam, phát hiện 02 (hai) máy xăng để trên hai liếp cam nhưng bị cáo H lấy trộm 01 (một) máy xăng, hiệu honda, màu đỏ trắng, có gắn giàn sắt si, kéo ra đầu liếp để rinh qua mương. Thấy vậy, T2 cùng với L1 phụ bị cáo H rinh qua mương và T2 đỡ máy cho L1 vác, T2 cầm xiệc, còn bị cáo H đi

theo sau, đi được khoảng 200 mét thì L1 đưa máy cho bị cáo H vác. Trên đường đi, bị cáo H hỏi T2 cất máy ở đâu thì T2 kêu cất ở nhà của Nguyễn Văn C1, sinh năm 1994, ngụ cùng ấp. Khi đến nhà C1, không có khóa cửa sau và không có ai ở nhà, nên bị cáo H và L1 rinh cất vào nhà vệ sinh nhưng T2 kêu cất giấu vào phía trong kho rồi cả nhóm cùng nhau về nhà của T2. Khi về đến nhà, bị cáo H, T2 và L1 làm cá, còn N1 đi về nhà. Sau đó, bị cáo H gặp và nói cho bạn gái là Trần Thị Huyền T1, sinh năm 1992, ngụ ấp 2, xã E, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, biết sự việc cùng với T2 và L1 lấy trộm máy xăng trong vườn cam của ông C.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T2 kêu bị cáo H chở T2 qua nhà C1 để gửi máy và xổ gà nên bị cáo H mượn xe mô tô của bác ruột là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970, ngụ cùng ấp, chở T2 đến nhà C1 nhưng C1 không có ở nhà nên T2 và bị cáo H ra phía sau bẻ dừa uống. Khi đó, T2 tiếp tục rủ bị cáo H lấy trộm máy xăng còn lại nhưng bị cáo H không đồng ý. Sau đó, T2 tiếp tục rủ bị cáo H lấy trộm máy xăng thì bị cáo H đồng ý nên bị cáo T2 trực tiếp vào vườn cam của ông C lấy trộm 01 (một) máy xăng, hiệu Honda, màu đỏ trắng, có gắn một ống hút nước, bằng gang, được đặt trong một máng phao, bằng mủ và cùng với bị cáo H đem cất giấu chung với máy xăng trước. Cất giấu xong, bị cáo H chở T2 về nhà, trên đường về T2 căn dặn bị cáo H không được nói cho L1 biết lấy trộm máy xăng thứ hai.

Đến khoảng 06 giờ ngày 18/7/2017 bị cáo H dùng xe mô tô chở Trần Thị Huyền T1 ra thị trấn T nhưng đi một đoạn thì xe mô tô hết xăng nên bị cáo H quay lại nhà C1 lấy xăng trong hai máy xăng. Khi vào nhà C1, C1 đang ngủ ở nhà trước, bị cáo H vào nhà sau, lấy được khoảng 0,5 lít xăng. Lúc đó, C1 bước xuống nhà sau thì thấy bị cáo H nên bị cáo H nói với C1 "cho T2 gửi hai cái máy, mấy bửa lấy", C1 không nói gì mà đi ngủ tiếp, lấy xăng xong bị cáo H chở T1 ra thị trấn T để đón xe khách về thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, cũng sáng ngày 18/7/2017 con ruột ông C là Thạch L, sinh năm 1985, ra vườn cam lấy máy để sử dụng thì phát hiện bị mất trộm nên anh L đi tìm theo dấu vết để lại thì phát hiện hai máy xăng mất trộm để trong nhà sau của Nguyễn Văn C1 và anh L đã báo cho ông C biết, sau đó ông C trình báo cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ tại nhà Nguyễn Văn C1, do C1 giao nộp gồm có:

+ 01 (một) máy xăng, hiệu Honda, màu đỏ trắng, công suất 5,5HP, thương hiệu Nhật, xuất xứ Thái Lan, được gắn một dàn sắt xi, bằng sắt.

+ 01 (một) máy xăng, hiệu Honda, màu đỏ trắng, công suất 6,5HP, thương hiệu Nhật, xuất xứ Nhật bản, có gắn một ống hút nước, chất liệu bằng gang, được đặt trong một máng phao, chất liệu bằng mủ.

Tại bản kết luận số 40 ngày 11/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận:

+ 01 (một) máy xăng, hiệu honda, màu đỏ trắng, công suất 5,5 HP thương hiệu Nhật, xuất xứ Thái Lan, có gắn giàn sắt xi bằng sắt, giá trị tài sản còn lại là 3.005.000 đồng.

+ 01 (một) máy xăng, hiệu honda, màu đỏ trắng, công suất 6,5 HP thương hiệu Nhật, xuất xứ Nhật Bản, có ống hút nước chất liệu bằng gang và 01 máng phao chất liệu bằng mủ, giá trị tài sản còn lại là 5.282.500 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo H bỏ trốn khỏi địa phương nên không làm việc được, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã khởi tố và ra quyết định truy nã đối với bị cáo Nguyễn Văn H. Đến ngày 08/6/2018 cơ quan Công an đã bắt được bị cáo H tại phường P, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh. Qua làm việc, bị cáo H thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của ông Thạch C như đã nêu trên.

Đối với Nguyễn Văn T2 có hành vi cùng với bị cáo Nguyễn Văn H thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần ra quyết định khởi tố bị can và áp dụng lệnh bắt bị can để tạm giam. Tuy nhiên, Nguyễn Văn T2 đã bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần tiến hành truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Lâm Công L1: Không thừa nhận cùng bị cáo H và T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo H khai nhận L1 tham gia cùng với bị cáo H và T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa bắt được Nguyễn Văn T2 và các chứng cứ thu thập được, chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lâm Công L1. Do đó, khi nào bắt được Nguyễn Văn T2, cơ quan điều tra làm rõ và xử lý sau đối với L1.

Đối với Nguyễn Bé N1, Trần Thị Huyền T1 và Nguyễn Văn C1 không tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T cho bị cáo H mượn xe mô tô làm phương tiện đi lại và không biết bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có cơ sở để xử lý.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Công an đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản bị mất trộm cho bị hại, theo đúng quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại nên bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H khai đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, 20 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét;

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định xử lý xong nên đề nghị không xem xét.

Về án phí hình sự đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Thạch C, bà Thạch Thị Som N và anh Thạch L có đơn xin vắng và có ý kiến trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 17/7/2017 gia đình bị hại có mất 01 (một) máy xăng, hiệu honda, màu đỏ trắng, công suất 5,5 HP thương hiệu Nhật, xuất xứ Thái Lan, có gắn giàn sắt xi bằng sắt và 01 (một) máy xăng, hiệu honda, màu đỏ trắng, công suất 6,5 HP thương hiệu Nhật, xuất xứ Nhật Bản, có ống hút nước chất liệu bằng gang và 01 máng phao chất liệu bằng mủ, sáng ngày 18/7/2017 anh Thạch L ra vườn cam phát hiện mất tài sản và ông C có trình báo Công an, hiện nay gia đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường, về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Người bị hại, anh Nguyễn Bé N1, bà Kim Thị T, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn C1 có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Trần Thị Huyền T1 và anh Lâm Công L1 vắng mặt không lý do và những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Tiểu Cần, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với các biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội danh và điều luật như đã viện dẫn trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, các tài liệu về hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn H

về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã thể hiện vào ngày 17/7/2017 bị cáo lén lút trộm 01 (một) máy xăng, hiệu honda, màu đỏ trắng, công suất 5,5 HP thương hiệu Nhật, xuất xứ Thái Lan, có gắn giàn sắt xi bằng sắt, giá trị tài sản còn lại là 3.005.000 đồng và 01 (một) máy xăng, hiệu honda, màu đỏ trắng, công suất 6,5 HP thương hiệu Nhật, xuất xứ Nhật Bản, có ống hút nước chất liệu bằng gang và 01 máng phao chất liệu bằng mủ, giá trị tài sản còn lại là 5.282.500 đồng của người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã bị cơ quan điều tra khởi tố và ra lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, do đó ngày 19/10/2017 cơ quan Công an phải ra Quyết định truy nã đối với bị cáo và đến ngày 08/6/2018 mới bắt được bị cáo tại phường P, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh, việc bị cáo bỏ trốn trong quá trình điều tra gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, làm cho quần chúng không an tâm lao động, sản xuất. Xét thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo với mức án tù như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Văn C2 được Nhà nước tăng Huy chương kháng chiến hạng ba, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với Nguyễn Văn T2 trong quá trình điều tra đã bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần tiến hành truy nã khi nào bắt được sẽ giải quyết sau.

[5] Đối với Lâm Công L1 không thừa nhận cùng bị cáo H và T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo H khai nhận L1 tham gia cùng với bị cáo H và T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa bắt được T2 và các chứng cứ thu thập được, chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lâm Công L1. Do đó, khi nào bắt được Nguyễn Văn T2, cơ quan điều tra làm rõ và xử lý sau đối với Lâm Công L1.

[6] Đối với Nguyễn Bé N1, Trần Thị Huyền T1 và Nguyễn Văn C1 không tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có cơ sở để xử lý.

[7] Đối với Nguyễn Văn T cho bị cáo H mượn xe môtô làm phương tiện đi lại và không biết bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có cơ sở để xử lý.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[9] *Về vật chứng:* Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã giải quyết xong nên không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 08/6/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

3. Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã giải quyết xong nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm